

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 4 - 2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Huệ

Ông Dương Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Kim K, sinh năm 1971, (vắng mặt).

Địa chỉ: 414 E, PA 19120, USA.

2. Bị đơn: Chị Võ Nguyệt Yên P, sinh năm 1970, (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2022 và bảng trả lời các câu hỏi đề ngày 20/3/2023 của anh Trần Kim K đã được hợp pháp hóa lãnh sự và lời khai của chị Võ Nguyệt Yên P thống nhất trình bày: Anh Trần Kim K và chị Võ Nguyệt Yên P kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/12/2004. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2008 - 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng mỗi người ở một nơi, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, xa cách. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008, nên anh yêu cầu được ly hôn, chị Võ Nguyệt Yên P xác định từ năm 2009 đến nay anh K không làm thủ tục bảo lãnh chị sang Mỹ để vợ chồng đoàn tụ và anh K cũng không còn quan tâm,

thương yêu, chăm sóc chị nữa, nên chị cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh K.

Về con chung: Anh K, chị P thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung tên Trần Minh Đ, sinh ngày 13/11/2006; khi ly hôn chị P yêu cầu được nuôi con chung, anh K cũng đồng ý giao con chung cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cháu Trần Minh Đ hiện đang sống với chị P tại địa chỉ ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con từ ngày chị sinh cháu Đ đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi bằng số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật Việt Nam, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000.000đ theo yêu cầu của chị P, vì trong thời gian chị P nuôi con, anh có gửi tiền về cho chị P nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh K, chị P xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Kim K, căn cứ các Điều 56, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho anh K được ly hôn với chị P. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 13/11/2006 cho chị P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; về cấp dưỡng nuôi con: Không chấp nhận yêu cầu của chị P về việc yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con từ khi con được sinh ra cho đến khi con chung tròn 18 tuổi bằng số tiền 300.000.000 đồng; ghi nhận ý kiến của anh K cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung anh K và chị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Trần Kim K có quốc tịch Việt Nam đang cư trú tại địa chỉ: 414 E, PA 19120, USA, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục ủy thác tư pháp: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Trần Kim K theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự, ngày 03/4/2023 Tòa án nhận được kết quả ủy thác tư pháp do anh K gửi trực tiếp cho Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu qua đường bưu chính, kết quả ủy thác tư pháp, lời khai của anh K được hợp pháp hóa lãnh sự theo đúng quy định pháp luật.

[1.3] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa chị P có mặt, anh K vắng mặt; theo bảng trả lời câu hỏi của Tòa án anh K xác định, hiện anh đang định cư tại Mỹ, do điều kiện địa lý anh không về Việt Nam tham gia phiên họp, phiên tòa được, xin vắng mặt trong các phiên họp, phiên tòa, nên căn cứ các Điều 227; 228; điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân, theo giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp thể hiện anh Trần Kim K và chị Võ Nguyệt Yến P kết hôn ngày 27/12/2004, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa anh K và chị P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của anh K và chị P có sơ sở xác định, sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau trong thời gian ngắn tại Việt Nam, quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, do mỗi người ở một nơi, vợ chồng sống ly thân từ năm 2008-2009 đến nay, làm cho hôn nhân của anh, chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh K yêu cầu được ly hôn thì chị P cũng đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ các Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho anh Trần Kim K được ly hôn với chị Võ Nguyệt Yến P là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Trần Kim K và chị Võ Nguyệt Yến P thống nhất xác định, vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Minh Đ, sinh ngày 13/11/2006, hiện cháu Đ đang sống với chị P. Chị P yêu cầu được nuôi con. Tại biên ghi nhận ý kiến của cháu Trần Minh Đ ngày 01/07/2022 thể hiện cháu Đ có nguyện vọng muốn sống cùng với chị P, căn cứ vào điều kiện của người nuôi dưỡng, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con và để ổn định tâm sinh lý cho cháu, nên chấp nhận yêu cầu của chị P, tiếp tục giao cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 13/11/2006 cho chị P tiếp tục chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Xét yêu cầu của chị P yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi cháu Đ từ khi chị mới sinh cháu Đ cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi một lần bằng số tiền 300.000.000 đồng, theo bản tự khai của anh K chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Đ theo quy định pháp luật, tính từ thời điểm ly hôn cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã*

thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con” và “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”. Theo sổ tay ghi chép số tiền anh K gửi do cháu Đức ký nhận, tại phiên tòa chị P cũng thừa nhận sổ ghi chép số tiền anh K gửi về chị kêu cháu Đ ký nhận, nên có cơ sở xác định trong thời gian anh chị không sống chung anh K có gửi tiền về Việt Nam cho chị P nuôi con mỗi lần từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ và 200 USD. Do đó, không có chấp nhận yêu cầu của chị P yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con từ khi cháu được sinh ra đến nay, mà chỉ có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị P yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con từ khi giải quyết ly hôn đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi.

Xét yêu cầu mức cấp dưỡng, căn cứ mức cấp dưỡng của anh K gửi về hàng tháng cho cháu Đ trong thời gian gần đây thì có căn cứ xác định khả năng cấp dưỡng của anh K mỗi tháng 2.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ buộc anh K cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi là có căn cứ.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Kim K và chị Võ Nguyệt Yên P thống nhất xác định, vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình, án phí cấp dưỡng, chi phí ủy thác và lệ phí ủy thác tư pháp, anh Trần Kim K phải chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, các Điều 273; Điều 280; Điều 469; điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81; 82; 83; 110; 116; 121; 122; 123; 126 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Kim K đối với chị Võ Nguyệt Yên P.

Xử cho anh Trần Kim K, sinh năm 1971 được ly hôn với chị Võ Nguyệt Yên P, sinh năm 1970.

2. Về con chung:

2.1. Tiếp tục giao cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 13/11/2006 cho chị Võ Nguyệt Yên P, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu Trần Minh Đ đang sống với chị P được giữ nguyên.

2.2. Anh Trần Kim K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

2.3. Buộc anh Trần Kim K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 13/11/2006 với mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/4/2023) cho đến khi cháu Trần Minh Đ đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí, lệ phí và chi phí ủy thác tư pháp:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Buộc anh Trần Kim K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), chị Lương Thị Hồng M nộp thay cho anh Trần Kim K tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000180 ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Kim K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

4.3. Lệ phí ủy thác tư pháp, anh Trần Kim K phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). Chị Lương Thị Hồng M đã nộp thay cho anh Trần Kim K số tiền lệ phí 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0000085 ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu đã chuyển thu lệ phí không được hoàn lại.

4.4. Chi phí ủy thác tư pháp, anh Trần Kim K phải chịu 95 đô la USD. Chị Lương Thị Hồng M đã nộp thay cho anh Trần Kim K 95 đô la USD đã chuyển cho cơ quan ủy thác không được hoàn lại.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Quyền kháng cáo: Chị Võ Nguyệt Yên P có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Kim K có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn